

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với 34 người nộp thuế thuộc đối tượng được xóa nợ theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ quy định Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về khoanh nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với người nộp thuế không còn khả năng nộp Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 69/2020/TT-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định hồ sơ và trình tự, thủ tục xử lý nợ theo Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bình Định tại các Văn bản: số 664/CTBDI-QLN, số 665/TTr-CTBDI-QLN ngày 09/3/2023;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với 34 người nộp thuế còn nợ trước ngày 01/7/2020 với tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp là: 8.728.338.416 đồng (*Viết bằng chữ: Tám tỷ, bảy trăm hai mươi tám triệu, ba trăm ba mươi tám ngàn, bốn trăm mười sáu đồng*), trong đó:

- Số doanh nghiệp, tổ chức là: 34 người nộp thuế với tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp là: 8.728.338.416 đồng;

- Số cá nhân, cá nhân kinh doanh, hộ gia đình, hộ kinh doanh là: 0 người nộp thuế với tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp là: 0 đồng;

(Danh sách người nộp thuế được xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp theo phụ lục chi tiết kèm theo).

Lý do xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp: Người nộp thuế thuộc đối tượng được xóa nợ theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14.

Cục trưởng Cục Thuế tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu và các thông tin của hồ sơ xóa nợ.

Điều 2. Căn cứ vào số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ nêu tại Điều 1 trên đây, Cục Thuế tỉnh điều chỉnh số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp của người nộp thuế theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; người nộp thuế có tên trong danh sách tại Điều 1 và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Tổng cục Thuế;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở KH&ĐT tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- CCT TP Quy Nhơn;
- Website Cục Thuế tỉnh;
- Lưu: VT, K17.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tụ Công Hoàng

ỦY BAN NHÂN DÂN

TỈNH BÌNH ĐỊNH

DANH SÁCH NGƯỜI NỘP THUẾ ĐƯỢC XÓA NỢ TIỀN PHẠT CHẬM NỘP, TIỀN CHẬM NỘP

(Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh Bình Định)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Địa chỉ kinh doanh				Họ và tên (a)	Số giấy tờ cá nhân (b)	Ngày, tháng, năm cấp giấy tờ cá nhân	Cơ quan cấp giấy tờ cá nhân	Tổng số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa	Trong đó (Tiểu mục)							
												4272	4917	4918	4931	4943	4944	4943 (CCT QN)	4943 (CCT QN)
1	2	3	4				5	6	7	8	9=10+...+17	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Doanh nghiệp, tổ chức	34									8.728.338.416	637.154.773	8.366.959	605.985.345	3.943.347.472	3.431.624.626	66.710.325	17.433.431	17.715.485
1	DNTN Hoàng Lân	4100266184	Số 22 Ngô Mây	Phường Ngô Mây	TP. Quy Nhơn	Bình Định	Trần Thanh Long	211429034	30/09/2004	CA Bình Định	17.051.825				17.051.825				
2	Công Ty TNHH Xây Dựng Hồng Phong	4100266561	Số 37 - đường Nguyễn Thái Học	Phường Lý Thường Kiệt	TP. Quy Nhơn	Bình Định	Nguyễn Đức Tuấn	210133436	05/07/2002	CA Bình Định	469.125.677	3.014.550		5.532.795	265.113.671	191.736.861	3.727.800		
3	Doanh Nghiệp Tư Nhân Sơn Hải	4100337999	Số 172, đường Diên Hồng	Phường Ngô Mây	TP. Quy Nhơn	Bình Định	Đoàn Minh Sơn	210913156	29/01/1999	CA Bình Định	653.706.221	2.557.800		249.869.125	53.595.293	340.228.403	7.455.600		
4	Doanh nghiệp tư nhân Đại Hiệp	4100353990	Số 11 B Tầng Bạt Hồ		TP. Quy Nhơn	Bình Định	Nguyễn Ngọc Dũng	212017274			958.959.896	525.545.867		1.066.188	427.998.741		4.349.100		
5	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hàu PURE BAY	4100366213	Số 09 Trường Chinh	Phường Lý Thường Kiệt	TP. Quy Nhơn	Bình Định	THOMAS EDWARD WILLIAMS	710205848			749.704				2.104		747.600		
6	Công Ty TNHH Đại Dương	4100465905	Số 772 Trần Hưng Đạo	Phường Đồng Đa	TP. Quy Nhơn	Bình Định	Huỳnh Đình Thúc	210072629			1.902.235					1.902.235			
7	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn - TM - XD Trường An	4100466377	Lô 63 Mai Hắc Đế, Tổ 42, KV 5	Phường Ghềnh Ráng	TP. Quy Nhơn	Bình Định	Đinh Xuân Hoàng	211871892	24/12/2009	CA Bình Định	1.262.717.498	6.668.550			52.497.786	589.006.389	609.574.373	4.970.400	
8	Công Ty TNHH Quảng Cáo & Tm Nguyễn Hảo	4100545910	Quốc lộ 1A, Tổ 6 Khu vực 2	Phường Bùi Thị Xuân	TP. Quy Nhơn	Bình Định	Nguyễn Ngọc Hùng	211242179	20/07/2001	CA Bình Định	122.714.596	8.404.200				45.369.435	67.077.061	1.863.900	
9	Công Ty CP Phát Triển Khoa Học Và Công Nghệ Môi Trường	4100673831	Đường Hùng Vương, Tổ 5 Khu vực 1	Phường Trần Quang Diệu	TP. Quy Nhơn	Bình Định	Nguyễn Đức Gy	211762101	24/06/2004	CA Bình Định	446.294.083	1.370.250	7.884.297	142.564.319	166.226.481	125.142.236	3.106.500		
10	Công Ty TNHH Long - PROTRADE	4100831037	Số 489 An Dương Vương, Tầng 8, Phòng 808		TP. Quy Nhơn	Bình Định	LONG THU VANNESSA	C3567ZT7PP			50.371.266				46.030.068		4.341.198		
11	Công Ty TNHH Định Khánh	4100933060	Số 203 Đường Số 7, Khu ĐQC Hồ Sinh Thái	Phường Hải Cảng	TP. Quy Nhơn	Bình Định	Phan Thị Ngọc Ánh	211635105	29/03/1995	CA Bình Định	7.472.868				9.523		3.735.545	3.727.800	
12	Công Ty TNHH Sản Xuất & Thương Mại N.T.N	4101209372	Số 06 Kim Đồng	Phường Trần Phú	TP. Quy Nhơn	Bình Định	Nguyễn Ngọc Thúy	B4872177			3.476.385	2.110.185				123.600	1.242.600		
13	Công Ty TNHH MTV Phong Điện Nhơn Hội	4101267977	Lô B6, Khu Công Nghiệp Nhơn Hội, Khu A		TP. Quy Nhơn	Bình Định	Nguyễn Hữu Bình	N1282568			14.180.070	1.205.820				4.586.700	8.387.550		
14	Công Ty TNHH Xây Dựng & Thương Mại 421	4101285888	Số 14/32, Võ Văn Dũng	Phường Ngô Mây	TP. Quy Nhơn	Bình Định	Nguyễn Huy	210210362	05/11/1999	CA Bình Định	991.200					525.225	465.975		
15	Công Ty TNHH Kinglife Bình Định	4101349034	Số 17, Ý Lan	Phường Thị Nại	TP. Quy Nhơn	Bình Định	Nguyễn Châu Ngọc	321026039	10/07/1997	Bến Tre	15.401.105	11.902.905				1.013.000	2.485.200		
16	Công Ty TNHH Tổng Hợp Thảo Nguyên	4101391822	Số 14/10 Trần An Tư	Phường Ngô Mây	TP. Quy Nhơn	Bình Định	Hồ Lý Hoàng	211357870	13/04/2001	CA Bình Định	4.123.158	1.205.820		657.224	1.140.170	1.119.944			
17	Công Ty TNHH Chế Biến Và Xuất Khẩu Nông Sản Việt Trung	4101414678	Tầng 1, Số Nhà 496 Nguyễn Thái Học	Phường Quang Trung	TP. Quy Nhơn	Bình Định	Su Yang Yu	E01145558	05/07/2012	Bộ Công An, Tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc	3.403.800						3.403.800		
18	Công Ty TNHH Thái Dương	4100584003	Tổ 3, KV 8	Phường Bùi Thị Xuân	TP. Quy Nhơn	Bình Định	Phạm Trường Tân	210211952	03/02/2005	CA Bình Định	4.494.900					2.631.000	1.863.900		
19	Công Ty TNHH Huy Nhân	4100548439	Số 804/17 Trần Hưng Đạo	Phường Đồng Đa	TP. Quy Nhơn	Bình Định	Nguyễn Đắc Cử	210132612	13/04/2001	CA Bình Định	416.278.896				121.331.605	294.947.291			
20	Công Ty TNHH Nhơn Mỹ	4100584733	1213 Trần Hưng Đạo	Phường Đồng Đa	TP. Quy Nhơn	Bình Định	Hồ Văn Minh	211372881	17/02/2004	CA Bình Định	3.829.350	630.315		1.739.640	118.233	719.862	621.300		
21	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thành Vinh	4100510393	Số 51 đường Tôn Đức Thắng	Phường Lý Thường Kiệt	TP. Quy Nhơn	Bình Định	Lê Duy Duyệt	211415652	10/08/2007	CA Bình Định	38.545.238	17.217				893.905	2.485.200	17.433.431	17.715.485
22	Công Ty CP Công Nghệ Mới Asia	4100613670	Số 45 Lê Xuân Trữ	Phường Lý Thường Kiệt	TP. Quy Nhơn	Bình Định	Lê Chon	211558682	16/02/2006	CA Bình Định	2.208.800	2.009.700				199.100			
23	Công Ty TNHH Sản Xuất Dịch Vụ Thương Mại Hoàng Hiếu.	4100640145	Lô 26, tổ 62, khu vực 7	Phường Quang Trung	TP. Quy Nhơn	Bình Định	Nguyễn Chí Thông	210673550			6.112.472					3.005.972	3.106.500		
24	Công Ty TNHH Xây Dựng Và Cơ Khí Thành Thảo	4100665132	Tổ 46 Khu vực 5	Phường Quang Trung	TP. Quy Nhơn	Bình Định	Nguyễn Thành Thảo	220968747			562.268.305	54.422.105		53.118.249	207.038.117	243.944.934	3.744.900		
25	Công Ty TNHH Xây Dựng Vĩnh Phát	4101102887	Số 397 Nguyễn Thái Học	Phường Quang Trung	TP. Quy Nhơn	Bình Định	Trần Thụy Châu	211804025	22/02/200	CA Bình Định	77.661.003		444.600	177.720	72.487.266	3.690.717	860.700		
26	Công Ty TNHH Xây Dựng - Thương Mại Lộc Phát	4100798679	Số 301 đường Đồng Đa	Phường Thị Nại	TP. Quy Nhơn	Bình Định	Trần Anh Chương	211706095	01/01/1980	CA Bình Định	141.972.253			115.974	75.390.566	63.980.513	2.485.200		
27	Công ty TNHH Khoáng sản T & T Bình Định	4100906500	Số 11A đường Cao Bá Quát	Phường Thị Nại	TP. Quy Nhơn	Bình Định	Vũ Anh Tuấn	011920348	18/11/2004	Hà Nội	3.014.550	3.014.550							
28	Công Ty TNHH Tân Huy Hoàng	4100579772	Số 27 Phạm Ngọc Thạch	Phường Trần Phú	TP. Quy Nhơn	Bình Định	Lê Văn Nam	215090631			3.120.050	3.014.550				105.500			
29	Công ty TNHH Khang Linh	4100567255	Tổ 12A Khu vực 5	Phường Trần Quang Diệu	TP. Quy Nhơn	Bình Định	Thân Thị Lệ Thủy	211568978	20/12/2006	CA Bình Định	648.534.407			1.010.475	401.590.774	244.673.458	1.259.700		
30	Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Các Khu Công Nghiệp	4100755354	Khu Công nghiệp Phú Tài, Tổ 6, Khu vực 6	Phường Trần Quang Diệu	TP. Quy Nhơn	Bình Định	Hoàng Quyết Thắng	210001765			848.649.224	1.004.850			273.665.408	572.115.066	1.863.900		
31	Công Ty TNHH Xây Dựng Tổng Hợp Hợp Phát	4101284122	Số 30 Lê Quý Đôn	Phường Lý Thường Kiệt	TP. Quy Nhơn	Bình Định	Lê Hàn Duy	211783871	27/09/2008	CA Bình Định	2.430.225	803.880				383.745	1.242.600		
32	Công Ty TNHH Xây Dựng Và Dịch Vụ Nam Nhật	4100687337	Số 85 Thị Sách	Phường Nguyễn Văn Cừ	TP. Quy Nhơn	Bình Định	Hồ Thanh Lanh	211775209	09/06/1999	CA Bình Định	1.344.645.737	6.029.100	38.062	51.596.259	998.252.822	287.486.894	1.242.600		
33	Công Ty TNHH Phú Khê	4101184784	Số 16 Trần Văn Ôn	Phường Nguyễn Văn Cừ	TP. Quy Nhơn	Bình Định	Tô Đình Thịnh	171860633	16/10/2008	CA Thanh Hóa	31.584.996	2.222.559			21.593.433	7.769.004			
34	Công ty TNHH Khang Thịnh	4100571822	Cụm Công nghiệp Canh Vinh	xã Canh Vinh	Huyện Vân Canh	Bình Định	Tăng Thị Tuyết Nga	211070772	15/03/1996	CA Bình Định	560.346.423				206.375.139	353.971.284			